

Số: 157/KH-UBND

Kiên Giang, ngày 21 tháng 10 năm 2020

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22/3/2018 của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

Căn cứ Nghị quyết số 124/NQ-CP ngày 03/9/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22/3/2018 của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang ban hành kế hoạch triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tổ chức quán triệt và thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Xác định các nội dung, nhiệm vụ chủ yếu để các Sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh (sau đây gọi tắt là các Sở, ngành, địa phương) tập trung chỉ đạo, tổ chức thực hiện thắng lợi các mục tiêu của Nghị quyết số 124/NQ-CP của Chính phủ và Nghị quyết số 23-NQ/TW của Bộ Chính trị.

2. Yêu cầu

- Nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các Sở, ngành, địa phương về vai trò và nội dung của chính sách công nghiệp quốc gia trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Gắn các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển công nghiệp phù hợp với các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước trong lĩnh vực công nghiệp trên địa bàn tỉnh. Thực hiện tái cơ cấu, tổ chức xây dựng và nâng cao năng lực, công tác quản lý công nghiệp đồng bộ, bảo đảm tập trung, thông suốt, hiệu quả.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

- Đến năm 2030, ngành công nghiệp của tỉnh phục hồi và duy trì đà tăng trưởng cao; gia tăng phần đóng góp cho tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh; tạo ra nhiều cơ sở làm việc mới, thu nhập của người lao động cao hơn mức bình quân toàn tỉnh.



- Đến năm 2045, hình thành một số lĩnh vực công nghiệp có quy mô lớn, công nghệ tiên tiến, hiện đại, các sản phẩm của công nghiệp có thương hiệu uy tín, có chất lượng và giá trị cao, mang tính khu vực và quốc tế, có khả năng cạnh tranh cao, đáp ứng tiêu chuẩn của các nước phát triển và tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- Tỷ trọng công nghiệp trong GRDP đạt trên 16%, trong đó công nghiệp chế biến, chế tạo đạt trên 14%.

- Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp bình quân đạt trên 8,0%/năm; công nghiệp chế biến, chế tạo đạt trên 8,5%/năm.

- Tỷ lệ lao động làm việc trong ngành công nghiệp và dịch vụ đạt trên 40%.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

Để đạt được mục tiêu tổng quát và các mục tiêu cụ thể của Kế hoạch đề ra, các Sở, ngành và địa phương cần cụ thể hóa và tổ chức triển khai thực hiện tốt các nhiệm vụ sau đây:

1. Phân bố không gian và tái cấu trúc ngành công nghiệp

a) Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì, phối hợp Sở Công Thương đề xuất chính sách khuyến khích, thu hút nguồn vốn đầu tư từ các doanh nghiệp, tập đoàn lớn trong và ngoài nước (đa ngành, đa quốc gia) tham gia đầu tư vào các ngành công nghiệp trọng điểm, các ngành công nghiệp mới trên cơ sở phù hợp với quy hoạch được phê duyệt.

- Nghiên cứu, đề xuất cơ chế loại dần một số lĩnh vực sản xuất công nghiệp có nguy cơ cao về ô nhiễm môi trường hiện có ít, đến không còn khả năng hoặc không khuyến khích phát triển trên địa bàn tỉnh trong tương lai như: vôi, gạch ngói nung thủ công, bột cá, ...; tập trung bố trí các dự án đầu tư mới tại các khu vực giàu tài nguyên nhất, theo hướng tập trung, tránh dàn trải, phát triển theo phong trào; bố trí các dự án công nghiệp sử dụng nhiều lao động không gây ô nhiễm môi trường phân bố hợp lý tại các khu vực nông thôn đông dân cư; tập trung các dự án công nghiệp có nguy cơ cao gây ô nhiễm môi trường vào khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

- Phối hợp với các Sở, ngành và địa phương hoàn thiện phê duyệt quy hoạch tỉnh theo Luật Quy hoạch, đảm bảo phân bố không gian lãnh thổ và chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp theo định hướng ngành và điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh; huy động các nguồn lực để đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng các khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

b) Sở Công Thương

- Ưu tiên đẩy mạnh phát triển công nghiệp tại các vùng, địa phương có lợi thế kết nối hạ tầng về giao thông, tài nguyên, lao động,... làm trung tâm để tạo động lực phát triển.

- Triển khai các cơ chế, chính sách hỗ trợ nhằm thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng. Trong đó, từng bước chuyển dịch các dự án chủ yếu dựa vào tài nguyên, tác động xấu đến môi trường sang các ngành công nghiệp công nghệ cao, thân thiện môi trường.

c) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Hướng dẫn các địa phương phát triển vùng nguyên liệu tập trung và tiêu thụ sản phẩm trên cơ sở cơ cấu lại vật nuôi, cây trồng, phù hợp với điều kiện tự nhiên, xã hội của từng địa phương và sự phân bố của các cơ sở chế biến nông - lâm - thủy sản trên địa bàn.

- Đẩy mạnh liên kết sản xuất - chế biến - tiêu thụ tại các địa phương, vùng có sản lượng nông - thủy sản lớn, thuận lợi giao thông, lao động, logistics, để dẫn dắt chuỗi liên kết vận hành một cách thông suốt, hiệu quả.

d) Sở Xây dựng

Hoàn thiện hệ thống và các công cụ để quản lý kiểm soát hiệu quả quá trình phát triển đô thị. Chủ trì đề xuất và triển khai cơ chế chính sách đối với ngành công nghiệp vật liệu xây dựng, đặc biệt là công nghiệp xi măng.

2. Phát triển các ngành công nghiệp ưu tiên

a) Sở Công Thương

- Nghiên cứu, đề xuất chính sách hỗ trợ phát triển các ngành công nghiệp ưu tiên; chính sách hỗ trợ phát triển sản phẩm công nghiệp hỗ trợ và sản xuất sản phẩm cơ khí trọng điểm trên địa bàn tỉnh; xây dựng danh mục các sản phẩm công nghiệp chủ lực trên cơ sở tận dụng tối đa tiềm năng, lợi thế của địa phương.

- Phát triển các loại hình và phương thức kinh doanh thương mại hiện đại; xây dựng và triển khai các chương trình xúc tiến thương mại đối với các sản phẩm công nghiệp; hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận và tận dụng hiệu quả các Hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam đã ký kết.

b) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Tập trung cơ cấu lại ngành nông nghiệp, đảm bảo yêu cầu chuyển dịch cơ cấu sản phẩm theo hướng nâng tỷ lệ chế biến sâu, chế biến tinh có giá trị gia tăng cao; nghiên cứu, đề xuất chính sách khuyến khích, ưu đãi thu hút đầu tư những dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao quy mô lớn, hiện đại nhằm nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững ngành công nghiệp chế biến.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương đề xuất chính sách thúc đẩy phát triển công nghiệp chế biến nông sản và cơ giới hóa nông nghiệp.

c) Sở Xây dựng

- Chủ trì, đề xuất cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển sản xuất các sản phẩm vật liệu xây dựng chất lượng cao, sử dụng tiết kiệm năng lượng, nguyên liệu; sản phẩm cách âm, cách nhiệt, thân thiện với môi trường, vật liệu không nung; sản phẩm tái chế.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường đề xuất chính sách khuyến khích nghiên cứu, phát triển sản xuất các sản phẩm vật liệu xây dựng từ nguyên liệu, nhiên liệu là chất thải, phế thải của các ngành công nghiệp, nông nghiệp, rác thải y tế và rác thải sinh hoạt.

d) Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Phối hợp với các Sở, ngành có liên quan triển khai các chính sách về tín dụng hỗ trợ, khuyến khích đầu tư theo hướng trọng tâm, trọng điểm theo ngành, lĩnh vực, gắn với đóng góp của doanh nghiệp, phù hợp với mục tiêu, định hướng, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đã được phê duyệt.

- Triển khai các cơ chế, chính sách từ Trung ương về nâng cao giá trị gia tăng của doanh nghiệp nội địa trong chuỗi giá trị toàn cầu; chính sách về tín dụng hỗ trợ, khuyến khích đầu tư vào các lĩnh vực có giá trị gia tăng cao; chính sách về thu hút FDI theo hướng ưu tiên các dự án sử dụng công nghệ "cao, mới, sạch, tiết kiệm", sử dụng nhiều nguyên liệu, linh phụ kiện sản xuất trong nước, có tỉ lệ chi cho nghiên cứu và phát triển khoa học - công nghệ trong nước cao, có cam kết chuyển giao công nghệ, đào tạo nhân lực tại chỗ; ưu tiên hình thức liên doanh, liên kết sản xuất với các doanh nghiệp trong nước.

- Tăng cường thu hút đầu tư các dự án sản xuất công nghiệp lớn nhằm thay đổi cơ cấu kinh tế, giải quyết việc làm trên địa bàn. Tập trung hỗ trợ có trọng tâm các doanh nghiệp có tiềm năng xây dựng và phát triển thương hiệu của địa phương.

3. Tạo lập môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi cho phát triển công nghiệp

a) Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành nghiên cứu, đề xuất UBND tỉnh: không cấp phép các dự án tiêu tốn nhiều năng lượng, khai thác khoáng sản không gắn với chế biến sâu, lãng phí tài nguyên, sử dụng công nghệ lạc hậu và các dự án có nguy cơ cao gây ô nhiễm môi trường.

- Thực hiện đơn giản hóa thủ tục hành chính trong công tác đầu tư; phối hợp với các Sở, ngành, địa phương thực hiện quyết liệt các nhiệm vụ và giải pháp được nêu tại Nghị quyết số 50-NQ/TW ngày 20/8/2019 của Bộ Chính trị về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030.

b) Sở Công Thương

- Tích cực hỗ trợ các doanh nghiệp tháo gỡ các rào cản thị trường, truy xuất nguồn gốc các sản phẩm công nghiệp, tập trung vào các ngành công nghiệp ưu tiên phát triển như: dệt may, da - giày, chế biến thực phẩm, điện - điện tử, cơ khí và các sản phẩm công nghệ cao.

- Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường. Đẩy mạnh công tác đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả, vi phạm quyền sở hữu trí tuệ trong lĩnh vực công nghiệp, chống các hành vi độc quyền, cạnh tranh không lành mạnh.

c) Sở Khoa học và Công nghệ

Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, đơn vị có liên quan triển khai có hiệu quả các văn bản quy phạm pháp luật, tập huấn trong lĩnh vực bảo hộ và thực thi quyền sở hữu trí tuệ trong doanh nghiệp.

d) Sở Nội vụ

Chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương và các ngành liên quan tham mưu cho UBND tỉnh xem xét việc thành lập Trung tâm kỹ thuật hỗ trợ phát triển công nghiệp địa phương trên cơ sở nâng cấp, xây dựng mới cơ sở vật chất hoặc bổ sung chức năng, nhiệm vụ, sắp xếp lại các đơn vị hiện có từ nguồn ngân sách địa phương và các nguồn vốn hợp pháp khác, đóng vai trò hỗ trợ đổi mới sáng tạo, nâng cao trình độ quản trị và kỹ thuật, công nghệ sản xuất cho các doanh nghiệp.

4. Phát triển doanh nghiệp công nghiệp

a) Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, địa phương tham mưu UBND tỉnh rà soát, điều chỉnh và tích hợp các chính sách phát triển công nghiệp tỉnh vào trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, nhất là các chính sách khuyến khích, thúc đẩy doanh nghiệp trong nước liên doanh, liên kết, góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp trong doanh nghiệp đầu tư nước ngoài, đặc biệt là doanh nghiệp đang hoạt động trong ngành, lĩnh vực ưu tiên thu hút đầu tư.

b) Sở Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành triển khai các chính sách hỗ trợ về tài chính đối với các hoạt động xúc tiến mở rộng, thị trường, tiếp cận tín dụng, hỗ trợ thông tin, tư vấn pháp lý, phát triển nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp.

- Tham mưu cho UBND tỉnh bố trí nguồn kinh phí phù hợp với tình hình ngân sách và kinh tế - xã hội của địa phương để triển khai các chính sách, chương trình phát triển công nghiệp tại địa phương, đặc biệt là hỗ trợ hoạt động đổi mới sáng tạo cho các doanh nghiệp trong các ngành công nghiệp ưu tiên phát triển trên địa bàn.

- Triển khai các cơ chế tín dụng từ nguồn vốn thương mại với lãi suất ưu đãi và chính sách cấp bù chênh lệch lãi suất được bố trí từ nguồn ngân sách của địa phương cho các doanh nghiệp trong các ngành công nghiệp ưu tiên trên địa bàn.

c) Sở Công Thương

Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan đẩy mạnh phát triển hệ thống các doanh nghiệp, tổ chức dịch vụ tư vấn phát triển công nghiệp.



d) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Tăng cường liên kết sản xuất giữa các doanh nghiệp chế biến nông sản với người dân để tiêu thụ sản phẩm nông sản tại chỗ cho người nông dân; đề xuất cơ chế, chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển cho các cơ sở chế tạo, kinh doanh máy, thiết bị phục vụ sản xuất nông nghiệp, chế biến nông lâm thủy sản.

đ) Đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Chi nhánh tỉnh Kiên Giang

Chỉ đạo các tổ chức tín dụng triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm tạo điều kiện cho doanh nghiệp công nghiệp trong tỉnh nâng cao khả năng tiếp cận với tín dụng ngân hàng.

5. Phát triển nguồn nhân lực công nghiệp

a) Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

- Chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan xây dựng kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn và lao động trong doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Đẩy mạnh truyền thông, tạo sự chuyển biến về nhận thức đối với việc đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp; tăng cường gắn kết giáo dục nghề nghiệp với thị trường lao động và việc làm.

- Phát triển đội ngũ nhân lực trực tiếp cho các ngành, nghề đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đặc biệt là yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 và hội nhập quốc tế; đẩy mạnh hợp tác đào tạo kỹ năng cho nguồn lao động chất lượng cao trong các ngành công nghiệp.

b) Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan và các hiệp hội phát huy vai trò đội ngũ doanh nhân trong các lĩnh vực công nghiệp trên địa bàn tỉnh, có trình độ kiến thức chuyên môn, kinh tế và ngoại ngữ, đáp ứng được yêu cầu đổi mới và hội nhập kinh tế quốc tế.

c) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các ngành liên quan nghiên cứu, thực hiện cơ chế, chính sách phát triển nhân lực phục vụ công nghiệp chế biến nông sản, đáp ứng yêu cầu tái cơ cấu bền vững ngành nông nghiệp, đặc biệt trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 và hội nhập kinh tế quốc tế; đề xuất cơ chế chính sách khuyến khích chuyển dịch hợp lý một phần lực lượng lao động trực tiếp trong nông nghiệp sang lao động trong các ngành công nghiệp chế biến.

6. Ứng dụng khoa học công nghệ trong ngành công nghiệp

a) Sở Khoa học và Công nghệ

- Tăng cường hỗ trợ, triển khai ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ tiên tiến của thế giới để phát triển các sản phẩm công nghiệp chủ lực có tính cạnh tranh cao của tỉnh; hỗ trợ, phát triển doanh nghiệp khoa học công nghệ trong công nghiệp đặc biệt là các ngành công nghiệp ưu tiên.



- Phối hợp với Sở Công Thương và các ngành liên quan xây dựng, trình UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng, sản phẩm hàng hóa trên địa bàn tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021-2025.

- Nghiên cứu đề xuất UBND tỉnh ban hành Chương trình đổi mới, ứng dụng khoa học và công nghệ trong ngành công nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025.

- Đẩy mạnh công tác cải cách thủ tục hành chính để các doanh nghiệp có điều kiện thuận lợi tiếp cận các quỹ phát triển khoa học và công nghệ; mở rộng hình thức đặt hàng nhiệm vụ khoa học - công nghệ và mua kết quả nghiên cứu. Rà soát, tham mưu cho UBND tỉnh sửa đổi các quy định về khoa học và công nghệ nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp đẩy mạnh nghiên cứu, phát triển, ứng dụng khoa học và công nghệ đáp ứng yêu cầu đổi mới công nghệ.

- Tuyên truyền, phổ biến, đào tạo, bồi dưỡng kiến thức và tổ chức thực hiện các quy định về mã số mã vạch, truy xuất nguồn gốc sản phẩm hàng hóa.

- Triển khai các biện pháp hỗ trợ hoạt động liên kết giữa tổ chức khoa học công nghệ với tổ chức ứng dụng, chuyển giao công nghệ địa phương và doanh nghiệp để khai thác, hoàn thiện, ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ vào thực tiễn.

- Xây dựng mô hình liên kết nhà trường - doanh nghiệp trong đào tạo và nghiên cứu khoa học tại các cơ sở đào tạo.

- Hàng năm căn cứ nhiệm vụ đã được giao tại Đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Kiên Giang đến năm 2025, phối hợp với các ngành liên quan đẩy mạnh hỗ trợ nâng cao năng lực công nghệ cho doanh nghiệp trong các ngành công nghiệp ưu tiên.

b) Sở Công Thương

Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ hỗ trợ các doanh nghiệp triển khai đầu tư ứng dụng khoa học và công nghệ vào sản xuất, công nghệ quản trị hiện đại gắn với quy trình sản xuất thông minh, góp phần nâng cao năng suất, năng lực cạnh tranh của các ngành, lĩnh vực và sản phẩm công nghiệp chủ lực.

c) Sở Xây dựng

- Triển khai ứng dụng những công nghệ tiên tiến, hiện đại trong sản xuất các sản phẩm vật liệu xây dựng chất lượng cao, tiêu tốn ít nguyên liệu, năng lượng, nhiên liệu; các sản phẩm tiết kiệm năng lượng, cách âm, cách nhiệt, thân thiện với môi trường, vật liệu không nung, sản phẩm tái chế... đáp ứng các quy định, quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường.

- Chú trọng, hỗ trợ đầu tư cải tạo, hiện đại hóa các cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng hiện có, từng bước loại bỏ công nghệ lạc hậu, tiêu tốn nhiều nguyên nhiên liệu.

d) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Hỗ trợ các doanh nghiệp nông nghiệp đầu tư phát triển các vùng nuôi trồng tập trung quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao để tạo ra giá trị gia tăng cho các nhóm sản phẩm chế biến.

đ) Sở Giáo dục và Đào tạo

Xây dựng cơ chế phối hợp giữa các cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục đại học và cơ sở giáo dục nghề nghiệp về công tác giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh sau trung học cơ sở và trung học phổ thông.

7. Sử dụng hiệu quả tài nguyên, khoáng sản; bảo vệ môi trường; thích ứng với biến đổi khí hậu trong quá trình phát triển công nghiệp.

a) Sở Tài nguyên và Môi trường

- Tổ chức lập và triển khai thực hiện các quy hoạch sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường theo quy định của Luật Quy hoạch; rà soát và tham mưu cho UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung hoàn thiện các chính sách tài nguyên và môi trường liên quan đến hoạt động sản xuất công nghiệp.

- Tăng cường kiểm soát, chủ động ngăn ngừa và giảm thiểu tình trạng ô nhiễm môi trường từ hoạt động sản xuất công nghiệp. Kiểm soát chặt chẽ các vấn đề về quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất công nghiệp; kiên quyết xử lý các dự án không thực hiện đúng cam kết, không hiệu quả, tiêu tốn nhiều năng lượng, lãng phí tài nguyên, sử dụng công nghệ lạc hậu có nguy cơ cao gây ô nhiễm môi trường; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra các đối tượng phát sinh chất thải lớn trên địa bàn tỉnh.

- Triển khai các cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển ngành công nghiệp môi trường; rà soát, hoàn thiện các chính sách khuyến khích, ưu tiên các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nghiên cứu, sản xuất các thiết bị phục vụ cho việc xử lý ô nhiễm môi trường, ứng dụng công nghệ sạch, tiết kiệm năng lượng, các sản phẩm thân thiện với môi trường, sản xuất sạch hơn.

- Bảo đảm việc sử dụng đất phục vụ cho phát triển công nghiệp phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; đảm bảo sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả, hạn chế tối đa việc chuyển mục đích sử dụng đất lúa năng suất cao, đất rừng, dân cư; hạn chế ảnh hưởng đến đời sống người dân có đất bị thu hồi.

b) Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành rà soát và tham mưu cho UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung các chính sách về thuế, phí bảo vệ môi trường, đảm bảo thu đúng đối tượng, có mức thu hợp lý nhằm khuyến khích sử dụng tài nguyên hiệu quả, đầu tư sử dụng công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường, đảm bảo phát triển bền vững.

8. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước về công nghiệp

a) Các Sở, ngành và địa phương

- Thực hiện nghiêm chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước về phát triển công nghiệp trong thời kỳ mới; chấm dứt tình trạng quản lý và thực hiện chính sách thiếu thống nhất giữa các Sở, ngành và địa phương, giữa các địa phương với nhau.

- Kiến toàn bộ máy quản lý Nhà nước về công nghiệp theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả và thống nhất tại các Sở, ngành, địa phương, đáp ứng yêu cầu quản lý. Đẩy mạnh phân công, phân cấp, phối hợp giữa các Sở, ngành và các địa phương gắn với tăng cường kiểm tra, giám sát.

- Chú trọng nâng cao năng lực và đạo đức công vụ của đội ngũ cán bộ quản lý Nhà nước về công nghiệp ở các Sở, ngành và địa phương phù hợp với những yêu cầu, nhiệm vụ mới về phát triển công nghiệp trong bối cảnh hội nhập, hiện đại hóa.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra gắn với nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu trong chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước liên quan tới phát triển công nghiệp.

- Xử lý nghiêm, dứt điểm các dự án công nghiệp gây ô nhiễm môi trường, sử dụng đất không hiệu quả; phối hợp chặt chẽ với các Hiệp hội doanh nghiệp, các tổ chức quốc tế nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác bình chọn, vinh danh các doanh nghiệp công nghiệp.

b) Các cơ quan truyền thông

Đài Phát thanh và Truyền hình Kiên Giang, Báo Kiên Giang tăng cường tuyên truyền sâu rộng các hoạt động phát triển các ngành công nghiệp ưu tiên trên các phương tiện thông tin đại chúng nhằm thu hút sự quan tâm và thay đổi, nâng cao nhận thức của xã hội về phát triển công nghiệp.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Công Thương: chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành và địa phương triển khai thực hiện; theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch này; tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện hàng năm, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung Kế hoạch để phù hợp với nhu cầu phát triển của địa phương.

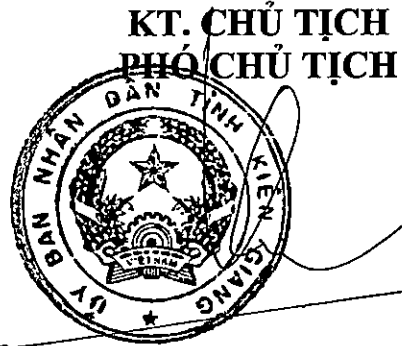
2. Sở Tài chính: có trách nhiệm cân đối, bố trí kinh phí hàng năm để thực hiện nội dung của Kế hoạch theo quy định pháp luật về ngân sách Nhà nước.

3. Các Sở, ngành và địa phương: căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao và nội dung của Kế hoạch này, xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện. Hàng năm, đề xuất nhiệm vụ, dự toán kinh phí trình cấp thẩm quyền phê duyệt và triển khai thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành. Định kỳ báo cáo kết quả thực hiện về Sở Công Thương trước ngày 15/12 hàng năm để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh và Chính phủ theo quy định.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các Sở ngành và địa phương kịp thời báo cáo, đề xuất UBND tỉnh (thông qua Sở Công Thương) để tổng hợp, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Bộ Công Thương;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- LĐVP, P.KT, P.TH;
- Lưu: VT, tmchau.



Nguyễn Đức Chín



Phụ lục
**DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ CỤ THỂ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA CHÍNH PHỦ
THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 23-NQ/TW NGÀY 22/3/2018 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 157 /KH-UBND ngày 21 / 10 /2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
I	Phân bố không gian và tái cấu trúc ngành công nghiệp			
1	Chính sách khuyến khích, thu hút nguồn vốn đầu tư vào các ngành công nghiệp trọng điểm, các ngành công nghiệp mới trên địa bàn tỉnh	2021-2030	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Công Thương, các ngành liên quan
2	Danh mục khuyến khích, hạn chế đầu tư trong lĩnh vực công nghiệp trên địa bàn tỉnh Kiên Giang đến năm 2030	2021	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Công Thương, các ngành liên quan
II	Phát triển các ngành công nghiệp ưu tiên			
1	Chính sách hỗ trợ phát triển các ngành công nghiệp ưu tiên trên địa bàn tỉnh	2021-2030	Sở Công Thương	Các ngành liên quan và UBND cấp huyện
2	Danh mục các sản phẩm công nghiệp chủ lực trên địa bàn tỉnh	2021	Sở Công Thương	Các ngành liên quan
3	Chính sách khuyến khích, ưu đãi đầu tư dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao quy mô lớn trên địa bàn tỉnh	2021-2030	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND cấp huyện và các ngành liên quan
4	Chính sách thúc đẩy phát triển công nghiệp chế biến nông sản và cơ giới hóa nông nghiệp	2021-2030	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Công Thương, các ngành liên quan
5	Chính sách khuyến khích phát triển sản xuất các sản phẩm vật liệu xây dựng chất lượng cao, sản phẩm vật liệu xây dựng từ nguyên liệu, nhiên liệu là chất thải, phế thải	2021-2030	Sở Xây dựng	Các ngành liên quan
6	Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh đến năm 2025	2021	Sở Công Thương	Các ngành liên quan và UBND cấp huyện



	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
III	Tạo lập môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi cho phát triển công nghiệp			
1	Thành lập Trung tâm kỹ thuật hỗ trợ phát triển công nghiệp địa phương	2021	Sở Nội vụ	Sở Công Thương
2	Quy chế quản lý kinh phí phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh	2020	Sở Tài chính	Sở Công Thương, các ngành liên quan
3	Chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển các cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh	2021	Sở Công Thương	Các ngành liên quan và UBND cấp huyện
IV	Phát triển doanh nghiệp công nghiệp			
1	Chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển các cơ sở chế tạo, kinh doanh máy, thiết bị phục vụ sản xuất nông nghiệp, chế biến nông lâm thủy sản	2021-2030	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các ngành liên quan
V	Phát triển nguồn nhân lực công nghiệp			
1	Xây dựng kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn và lao động trong doanh nghiệp nhỏ và vừa.	2021	Sở Lao động - TB & XH	Các ngành liên quan
2	Chính sách hỗ trợ chuyển dịch lao động trực tiếp trong nông nghiệp sang lao động trong các ngành công nghiệp chế biến	2021-2030	Sở Lao động - TB & XH	Sở NN & PTNT, các ngành liên quan
VI	Ứng dụng khoa học công nghệ trong ngành công nghiệp			
1	Kế hoạch thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng, sản phẩm hàng hóa trên địa bàn tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021-2025	2021	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Công Thương, các ngành liên quan
2	Chương trình đổi mới, ứng dụng khoa học và công nghệ trong ngành công nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025	2021	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Công Thương, các ngành liên quan
3	Chương trình Khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021-2025	2020	Sở Công Thương	Các ngành liên quan và UBND cấp huyện

